

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27/12/2013, số 4746/QĐ-UBND ngày 29/12/2015, số 28/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của tỉnh;

Theo Văn bản số 3462/UBND-KT ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh về Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát xây dựng, đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 339/UBND-KT ngày 30/01/2023 và số 2804/UBND-KT ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh về việc chủ trương đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 28/5/2023 của UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước và bước giá của các mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh để triển khai đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Văn bản số 599/TTr-STNMT ngày 30/5/2023 và số 2385/STNMT-TNKS ngày 19/7/2023 (kèm Biên bản họp của liên ngành ngày 14/7/2023).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023 (*Kế hoạch chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan tổ chức, thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố (nơi có mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản) thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định tại Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 05/08/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/3/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; đồng thời, công khai thông tin các mỏ khoáng sản có trong Kế hoạch này cho người dân được biết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chi cục KS MT;
- Lưu: VT, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Nhằm tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản phù hợp với quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản tại địa phương, tăng nguồn thu ngân sách cho Nhà nước. Hoạt động khai thác khoáng sản phải đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm, không lãng phí, thất thoát tài nguyên; cung ứng kịp thời nhu cầu xây dựng cơ bản, phục vụ thi công các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và nhu cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các khu vực khoáng sản được lựa chọn đưa ra đấu giá phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá (ngoài khu vực đã được UBND tỉnh khoanh định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010).
- Đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, liên tục, bình đẳng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.
- Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên.
- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định.

II. Nội dung

1. Tổng số mỏ đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2023 là 45 mỏ, cụ thể:

- 06 khu vực mỏ đã có kết quả thăm dò khoáng sản (phụ lục I).
- 39 khu vực mỏ chưa có kết quả thăm dò khoáng sản (phụ lục II).
- Công khai khu vực mỏ (tài sản) đưa ra đấu giá: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND cấp xã nơi có mỏ khoáng sản và tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn¹ công khai thông tin các điểm mỏ được phê duyệt Kế hoạch đấu giá theo quy định tại Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

2. Trình tự, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Trình tự, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Nghị định của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

3. Thời gian thực hiện kế hoạch đấu giá: Trong năm 2023. Trường hợp trong năm 2023 chưa thực hiện đấu giá thành công thì tiếp tục thực hiện việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2024.

4. Dự kiến số tiền thu được: Khoảng 46.050.000.000 đồng (chênh lệch 02 bước giá).

5. Kinh phí thực hiện: Theo Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện đấu giá còn thiếu, giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh cho phép bổ sung kinh phí để thực hiện theo quy định.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã thành phố (nơi có mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá) tổ chức, thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định này và quy định tại Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Bình Định.

- Thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và Cổng thông tin Quốc gia về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; thực hiện lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

¹ Tổ chức đấu giá được lựa chọn theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

- Ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 33 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thông báo công khai kết quả trúng đấu giá tại trụ sở cơ quan và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

- Thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

2. Các Sở Ngành

Các Sở: Tư pháp, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Cục Thuế tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức, thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định này và quy định tại Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh.

3. UBND các huyện, thị xã thành phố (nơi có mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá) có trách nhiệm

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản tại các mỏ đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm Quyết định này theo thẩm quyền để đảm bảo triển khai đấu giá quyền khai thác khoáng sản hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức, thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định này và quy định tại Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh.

4. Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn

- Ban hành và thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 34 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Niêm yết và thông báo công khai việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 35, Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

- Bán hồ sơ mời đấu giá và tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến cuộc đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa các điểm mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá và thời gian nộp tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá.

- Thỏa thuận, thống nhất với Sở Tài nguyên và Môi trường về khoản tiền đặt trước của từng điểm mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP. Tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được gửi vào tài khoản thanh toán riêng của tổ chức đấu giá tài sản trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và không phát sinh tiền lãi. Tổ chức đấu giá tài sản không được sử dụng tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá vào bất kỳ mục đích nào khác và trả lại khoản tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá không trúng đấu giá trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

5. Các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm: Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC và Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Bình Định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung thì các Sở, ngành, UBND cấp huyện (nơi có khoáng sản đưa ra đấu giá) kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định./.

Phụ lục I**CÁC MỎ ĐÃ CÓ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2023***(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2023 của UBND tỉnh)*

STT	Loại Khoáng sản	Diện tích (ha)	Địa điểm	Số hiệu QHKS	Ký hiệu mỏ	Trữ lượng phê đã phê duyệt (m³)	Trữ lượng sau điều chỉnh (m³)	Trữ lượng địa chất tính giá khởi điểm (m3)	Giá khởi điểm làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)	Bước giá làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)	Tiền đặt trước làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)
								Q	G kd		
I. Thành phố Quy Nhơn (02 mỏ)											
1	Đất làm vật liệu san lấp	6,26	xã Phước Mỹ	QN02	ĐGTD-01	586.579	573.757	573.757	476.900.000	47.700.000	71.600.000
2	Đất làm vật liệu san lấp	16,79	xã Phước Mỹ	TDQN8	ĐGTD-02	1.018.025	1.018.025	1.018.025	899.500.000	90.000.000	135.000.000
II. Huyện Tuy Phước (01 mỏ)											
3	Đá làm VLXDTT	27	xã Phước An	186	ĐGTD-03	7.058.219	7.058.219	7.058.219	26.703.900.000	1.335.200.000	4.005.600.000
	đất san lấp					746.588	746.588	746.588	667.000.000	33.300.000	100.100.000
III. Huyện Tây Sơn (01 mỏ)											
4	Đất làm vật liệu san lấp	2,24	xã Bình Thuận	TDTS18	ĐGTD-04	162.291	162.291	162.291	129.100.000	13.000.000	19.400.000

STT	Loại Khoáng sản	Diện tích (ha)	Địa điểm	Số hiệu QHKS	Ký hiệu mỏ	Trữ lượng phê đã phê duyệt (m³)	Trữ lượng sau điều chỉnh (m³)	Trữ lượng địa chất tính giá khởi điểm (m3)	Giá khởi điểm làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)	Bước giá làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)	Tiền đặt trước làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)
								Q	G kd		
IV. Huyện Phù Cát (02 mỏ)											
5	Đất làm vật liệu san lấp	2	xã Cát Hiệp	130	ĐGTD-05	146.870	146.870	146.870	107.000.000	10.700.000	16.100.000
6	Đất làm vật liệu san lấp	1,5	xã Cát Hanh	130	ĐGTD-06	113.593	113.593	113.593	91.600.000	9.200.000	13.800.000

Phụ lục II

CÁC ĐIỂM MỎ CHƯA CÓ KẾT QUẢ THĂM DÒ THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/2023 của UBND tỉnh)

STT	Loại Khoáng sản	Diện tích (ha)	Địa điểm	Số hiệu Quy hoạch khoáng sản	Ký hiệu mỏ	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Bước giá (%)	Tiền đặt trước làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)
I. Thành phố Quy Nhơn (2 mỏ)								
1	Đất làm vật liệu san lấp	5,20	xã Phước Mỹ	TDQN14	ĐG-07	3	0,3	21.200.000
2	Đất làm vật liệu san lấp	4,88	xã Phước Mỹ	TDQN9	ĐG-08	3	0,3	19.800.000
II. Thị xã An Nhơn (2 mỏ)								-
1	Đất làm vật liệu san lấp	4,25	xã Nhơn Lộc và xã Nhơn Tân	174A	ĐG-09	3	0,3	48.000.000
2	Đất làm vật liệu san lấp	1,05	xã Nhơn Lộc	174A	ĐG-10	3	0,3	11.300.000
III. Thị xã Hoài Nhơn (01 mỏ)								-
1	Đất làm vật liệu san lấp	7,00	Phường Hoài Hảo và Hoài Thanh Tây	TDHN18	ĐG-11	3	0,3	49.400.000
IV. Huyện Vân Canh (9 mỏ)								-
1	Đá làm VLXD TT	5,00	xã Canh Hiền, xã Canh Vinh	220	ĐG-12	3	0,3	215.100.000
	Đất san lấp					3	0,3	25.400.000
2	Cát làm VLXD TT	2,99	xã Canh Hiền	210	ĐG-13	5	0,5	35.900.000
3	Đá làm VLXD TT có thu hồi đá khối	1,518	Xã Canh Hiệp	234	ĐG-14	3	0,3	14.100.000
						1	0,1	
						3	0,3	

STT	Loại Khoáng sản	Diện tích (ha)	Địa điểm	Số hiệu Quy hoạch khoáng sản	Ký hiệu mỏ	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Bước giá (%)	Tiền đặt trước làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)
4	Cát làm VLXDTT	2,50	xã Canh Vinh	210	ĐG-15	5	0,5	22.500.000
5	Đất sét làm gạch ngói	6,67	Canh Hiên	VC04	ĐG-16	5	0,5	186.700.000
6	Đất làm vật liệu san lấp	13,58	xã Canh Hiên	TDVC12	ĐG-17	3	0,3	69.000.000
7	Đất làm vật liệu san lấp	14,10	xã Canh Hiên	TDVC12	ĐG-18	3	0,3	71.700.000
8	Đất làm vật liệu san lấp	4,30	xã Canh Hoà	TDVC20	ĐG-20	3	0,3	27.300.000
9	Đất làm vật liệu san lấp	5,015	xã Canh Hiên	TDVC21	ĐG-21	3	0,3	22.300.000
V. Huyện Tây Sơn (13 mỏ)								-
1	Cát làm VLXDTT	5,00	xã Tây Thuận	126A	ĐG-22	5	0,5	71.800.000
2	Cát làm VLXDTT	5,00	xã Tây Thuận	126A	ĐG-23	5	0,5	71.800.000
3	Cát làm VLXDTT	8,42	xã Tây Giang	126A	ĐG-24	5	0,5	120.600.000
4	Đất làm vật liệu san lấp	9,00	xã Bình Nghi	174A	ĐG-25	3	0,3	57.200.000
5	Đất làm vật liệu san lấp	8,018	xã Bình Nghi	TDTS28	ĐG-26	3	0,3	40.700.000
6	Đất làm vật liệu san lấp	5,023	xã Tây Phú	TS11	ĐG-28	3	0,3	19.100.000
7	Đất làm vật liệu san lấp	3,547	xã Tây An	TDTS19	ĐG-29	3	0,3	12.700.000
8	Đất làm vật liệu san lấp	1,89	xã Bình Nghi	174	ĐG-30	3	0,3	15.300.000

STT	Loại Khoáng sản	Diện tích (ha)	Địa điểm	Số hiệu Quy hoạch khoáng sản	Ký hiệu mỏ	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Bước giá (%)	Tiền đặt trước làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)
9	Đất làm vật liệu san lấp	5,065	xã Bình Nghi	174	ĐG-31	3	0,3	31.800.000
10	Đất làm vật liệu san lấp	2,24	thôn Phú An, xã Tây Xuân	231	ĐG-32	3	0,3	19.100.000
11	Đất sét làm gạch ngói	9,736	xã Bình Nghi	TDTS25	ĐG-33	5	0,5	181.000.000
12	Đất sét làm gạch ngói	1,78	xã Bình Nghi	TDTS26	ĐG-34	5	0,5	33.100.000
VI. Huyện An Lão (2 mỏ)								-
1	Đất làm vật liệu san lấp	3,37	xã An Tân	TDAL11	ĐG-35	3	0,3	17.200.000
2	Đất làm vật liệu san lấp	4,90	xã An Hòa	AL02	ĐG-36	3	0,3	24.900.000
VII. Huyện Hoài Ân (2 mỏ)								-
1	Đất làm vật liệu san lấp	5,084	xã Ân Tường Tây	TDHA22	ĐG-39	3	0,3	25.400.000
2	Cát làm VLXD TT	3,447	xã Ân Hữu	HA03	ĐG-40	5	0,5	39.500.000
VIII. Huyện Tuy Phước (1 mỏ)								-
1	Đất làm vật liệu san lấp	8,40	xã Phước Thành	211	ĐG-41	3	0,3	67.100.000
IX. Huyện Vĩnh Thạnh (3 mỏ)								-
1	Cát làm VLXD TT	3,085	Thôn Định Quang, xã Vĩnh Quang	126A	ĐG-42	5	0,5	43.200.000
2	Cát làm VLXD TT	2,042	xã Vĩnh Kim	TDVT7	ĐG-43	5	0,5	28.800.000
3	Đất làm vật liệu san lấp	9,346	TT.Vĩnh Thạnh	TDVT12	ĐG-44	3	0,3	47.800.000
X. Huyện Phù Cát (4 mỏ)								-

STT	Loại Khoáng sản	Diện tích (ha)	Địa điểm	Số hiệu Quy hoạch khoáng sản	Ký hiệu mỏ	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Bước giá (%)	Tiền đặt trước làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)
1	Đất làm vật liệu san lấp	2,390	xã Cát Nhon	143	ĐG-45	3	0,3	15.200.000
2	Đất làm vật liệu san lấp	3,300	xã Cát Hanh và xã Cát Hiệp	TDPC13	ĐG-46	3	0,3	9.000.000
3	Đất làm vật liệu san lấp	3,800	xã Cát Khánh	228	ĐG-47	3	0,3	19.300.000
4	Đất làm vật liệu san lấp	3,000	xã Cát Khánh	228	ĐG-48	3	0,3	15.300.000
XI. Huyện Phù Mỹ (1 mỏ)								-
1	Cát làm vật liệu xây dựng (cát tô)	3,000	xã Mỹ An	TDPM29	ĐG-49	5	0,5	82.100.000